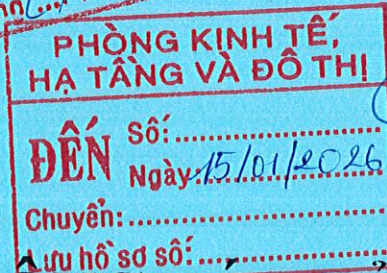


CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC

-----000-----



CÔNG TY CP XÂY DỰNG HẠ TẦNG  
KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ  
**XÁC NHẬN**  
Ngày 15 tháng 01 năm 2026



*[Signature]*  
Lê Minh Thuận

**BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ MÁY  
CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU  
NĂM 2025**

Cần Thơ, Tháng 01 năm 2026







**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC**

-----o0o-----

**BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ MÁY  
CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU  
NĂM 2025**

**CHỦ CƠ SỞ**  
**Công Ty TNHH**  
**Một thành viên Hùng Phúc**  
**GIÁM ĐỐC**



**ĐỖ HÙNG LONG**

*Cần Thơ, Tháng 01 năm 2026*





## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                |     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| MỤC LỤC .....                                                                                                                                                  | i   |
| DANH MỤC BẢNG .....                                                                                                                                            | iii |
| DANH MỤC HÌNH .....                                                                                                                                            | iii |
| BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025 .....                                                                                                              | 1   |
| THÔNG TIN CHUNG .....                                                                                                                                          | 1   |
| Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....                                                                                     | 2   |
| 1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải.....                                                                                               | 2   |
| 1.1. Xử lý nước thải.....                                                                                                                                      | 2   |
| 1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....                                                                                                                          | 2   |
| 1.1.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải .....                                                                                                                    | 2   |
| 1.1.3. Công trình xử lý nước thải.....                                                                                                                         | 3   |
| 1.1.3.1. Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt.....                                                                                                         | 3   |
| 1.1.3.2. Biện pháp giảm thiểu nước thải nhà ăn .....                                                                                                           | 4   |
| 1.1.3.3. Biện pháp giảm thiểu nước thải từ quá trình sản xuất.....                                                                                             | 4   |
| 1.1.4. Lưu lượng nước thải sinh hoạt .....                                                                                                                     | 6   |
| 1.1.5. Lưu lượng nước thải nhà ăn .....                                                                                                                        | 6   |
| 1.1.6. Lưu lượng nước thải sản xuất.....                                                                                                                       | 6   |
| 1.2. Kết quả quan trắc nước thải.....                                                                                                                          | 6   |
| 1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải .....                                                                                                                       | 6   |
| 1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động .....                                                                                                             | 8   |
| 2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải .....                                                                                                      | 8   |
| 2.1. Xử lý khí thải.....                                                                                                                                       | 8   |
| 2.2. Kết quả quan trắc khí thải: Không có.....                                                                                                                 | 8   |
| 3. Về quản lý chất thải rắn thông thường .....                                                                                                                 | 8   |
| 4. Về quản lý chất thải nguy hại.....                                                                                                                          | 9   |
| 5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....                                                                                                                | 9   |
| 5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường .....                                                                            | 9   |
| 5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường .....                                                                   | 9   |
| 5.2.1. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải.....                                                                                             | 9   |
| 5.2.2. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải: Không có.....                                                                                    | 10  |
| 5.2.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....                                                                                                                  | 10  |
| 5.2.4. Phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông.....                                                                                                                | 11  |
| 5.2.5. Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động.....                                                                                                        | 11  |
| 5.2.6. Biện pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp cho CNV làm việc tại Cơ sở.....                                                                                   | 12  |
| 5.2.7. Biện pháp phòng ngừa sự cố liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm.....                                                                                 | 12  |
| 6. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy ..... | 13  |







|                                                                                                                   |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) ..... | 13 |
| PHỤ LỤC .....                                                                                                     | 14 |







## **DANH MỤC BẢNG**

|                                                                                |   |
|--------------------------------------------------------------------------------|---|
| Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc .....                                   | 7 |
| Bảng 2. Thống kê CTRSH.....                                                    | 8 |
| Bảng 3. Thống kê CTRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất) ..... | 8 |

## **DANH MỤC HÌNH**

|                                                                            |   |
|----------------------------------------------------------------------------|---|
| Hình 1. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải .....                    | 2 |
| Hình 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở .....                      | 3 |
| Hình 3. Cấu tạo bể tự hoại.....                                            | 3 |
| Hình 4. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cơ sở ..... | 5 |





**CÔNG TY TNHH MTV  
HÙNG PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...01.../BC-..2026

Cần Thơ, ngày ..13... tháng 01 năm 2026

## **BÁO CÁO**

### **CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025**

#### **THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: “Nhà máy Chế biến Thủy sản Xuất khẩu”.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 133, Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Địa chỉ công trình: Lô 2-9A2, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

+ Số điện thoại: 02923 768 443.

- Người đại diện: Đỗ Hùng Long; Chức vụ: Giám đốc.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thủy sản; Quy mô/công suất: 5.500 tấn sản phẩm/năm. Tần suất hoạt động: Hoạt động thường xuyên;

- Giấy đăng ký kinh doanh số 1800688588 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 15 tháng 09 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp. Mã số thuế: 1800688588.

- Giấy phép môi trường số 21/GPMT-UBND ngày 22/03/2024 của UBND thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH MTV Hùng Phúc.

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (Gia hạn lần thứ 3) số 50/GP-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của UBND thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH MTV Hùng Phúc.

- Hợp đồng xử lý nước thải số 04/HĐ-XLNT.KCN ký kết ngày 22 tháng 09 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ và Công ty TNHH MTV Hùng Phúc.

- Giấy chứng nhận ISO 14001 (nếu có): Không có.

- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất:

+ Khối lượng sản phẩm năm 2025: 3.980 tấn sản phẩm/năm;

+ Khối lượng sản phẩm năm 2024: 4.500 tấn sản phẩm/năm.

- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo):

+ Tổng lượng điện tiêu thụ của năm 2025: 5.450.615 kWh/năm.

+ Tổng lượng điện tiêu thụ của năm 2024: 6.160.400 kWh/năm.





+ Tổng lượng nước tiêu thụ của năm 2025 tính đến hết tháng 11/2025 (Do chưa đến kỳ tính nước cấp của tháng 12/2025): Nước máy (tính đến hết tháng 11/2025: khoảng 1.164 m<sup>3</sup>/năm; nước dưới đất (cả năm 2025): 14.239 m<sup>3</sup>/năm.

+ Tổng lượng nước tiêu thụ của năm 2024: Nước máy: khoảng 29.637 m<sup>3</sup>/năm; nước dưới đất: 17.732 m<sup>3</sup>/năm.

## **Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

### **1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải**

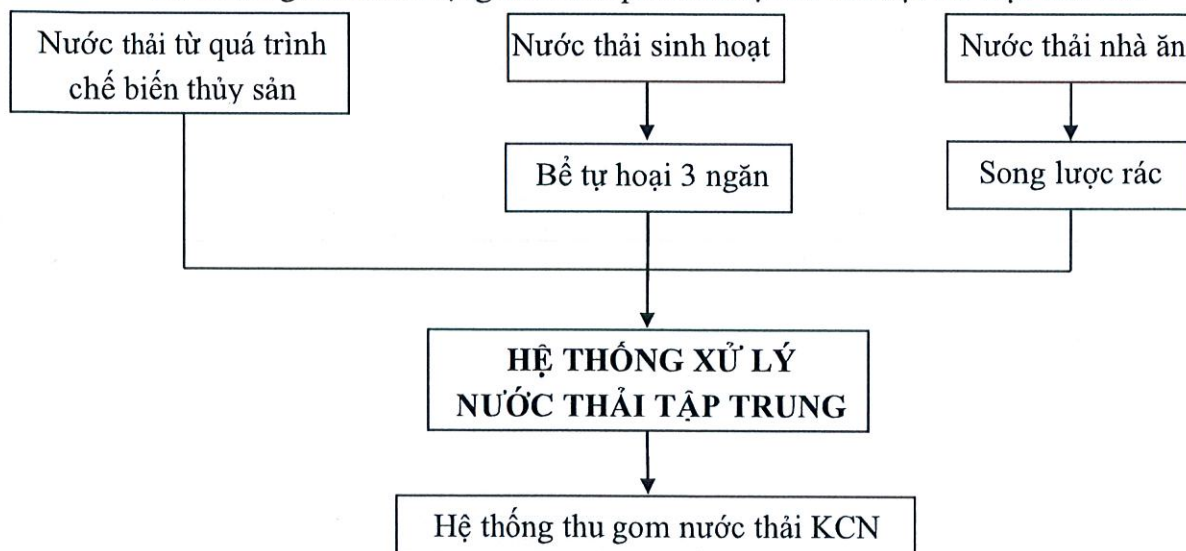
#### **1.1. Xử lý nước thải**

##### **1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải**

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở bao gồm nước thải từ quá trình chế biến thủy sản, nước thải sinh hoạt của CNV và nước thải từ nhà ăn.

##### **1.1.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải**

- Sơ đồ thu gom tất cả lượng nước thải phát sinh tại Cơ sở được thể hiện như sau:



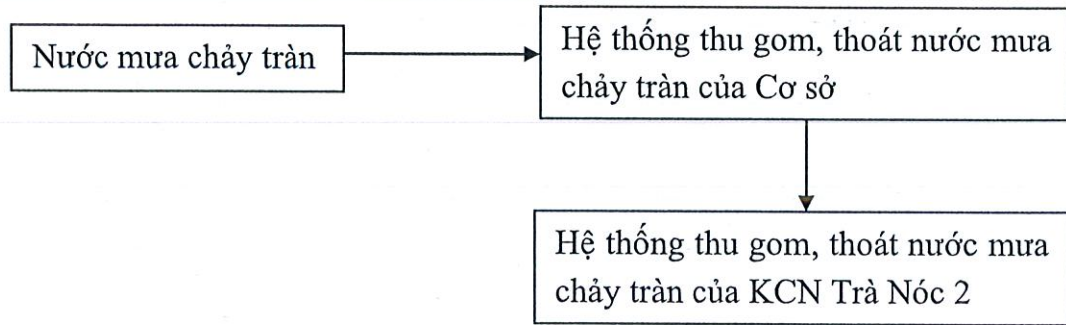
**Hình 1. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải**

Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động Cơ sở được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở để được xử lý cùng với nước thải từ quá trình sản xuất và nước thải nhà ăn. Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT – Cột A và QCVN 40:2011/BTNMT – Cột B (kể từ ngày 01/9/2025, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT – Cột C) trước khi dẫn vào Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Trà Nóc 2.

- Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa được thể hiện như sau:







**Hình 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở**

Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên Cơ sở được quy ước là nước sạch do phần lớn diện tích sân đường của Cơ sở đã được bê tông hóa nên được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở bao gồm hố ga và cống dẫn nước. Sau đó, nước mưa được dẫn vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của KCN Trà Nóc 2.

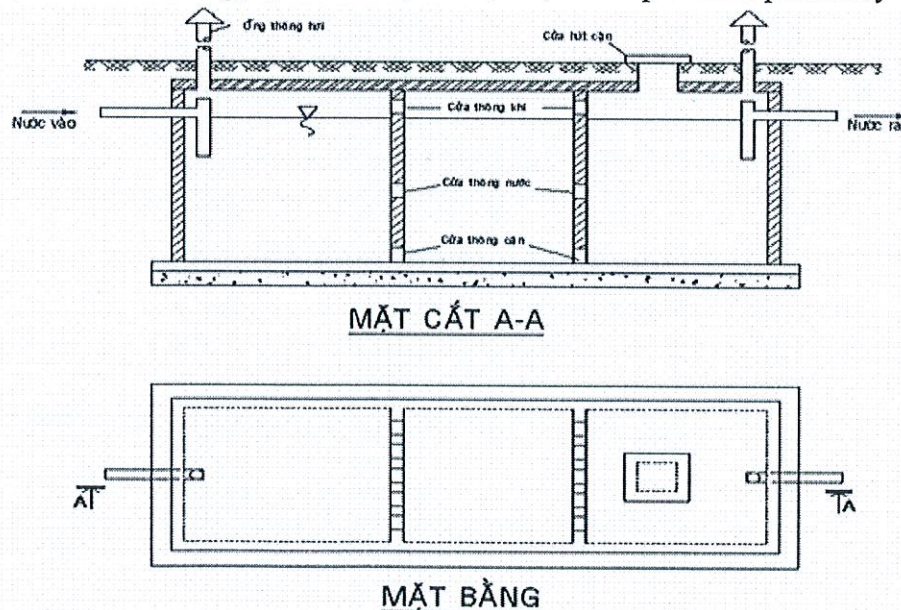
### 1.1.3. Công trình xử lý nước thải

#### 1.1.3.1. Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt

Tất cả lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở.

Vai trò của bể tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ trong các ngăn lắng và chứa cặn, sau đó nước thải ngấm dần qua các ngăn lọc với vật liệu lọc là than và đá. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí.

Bể tự hoại của Cơ sở được xây dựng như sau: Các ngăn bể tự hoại được chia làm hai phần: Phần lắng nước thải (phía trên) và phần lên men cặn lắng (phía dưới). Thời gian lưu nước trong bể là 3 ngày. Do vận tốc trong bể nhỏ nên phần lớp cặn lơ lửng được lắng lại. Lượng cặn trong bể được lấy ra theo định kỳ 6 tháng một lần. Mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn sau này.



**Hình 3. Cấu tạo bể tự hoại**





Vai trò của bể tự hoại ba ngăn là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ và chứa cặn. Hiệu suất xử lý làm giảm khoảng 60% BOD so với đầu vào. Do phần lớn cặn tập trung ở ngăn thứ nhất nên dung tích ngăn này chiếm khoảng 50% – 70% dung tích toàn bể. Các ngăn thứ 2 hoặc ngăn thứ 3 có dung tích bằng 25% – 35% dung tích toàn bể. Vì vậy, nước thải sau xử lý bằng bể tự hoại chưa thể cho thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận mà cần phải qua quá trình xử lý khác nhằm làm giảm nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải đến mức cho phép. Do đó, nước thải sau bể tự hoại sẽ được đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở.

#### **1.1.3.2. Biện pháp giảm thiểu nước thải nhà ăn**

Nước thải phát sinh từ nhà ăn được thu gom, chảy qua song lược rác để loại bỏ các thành phần rác thải có kích thước lớn ra khỏi nước thải; sau đó, nước thải được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để được xử lý cùng với các loại nước thải khác phát sinh trong quá trình hoạt động Cơ sở.

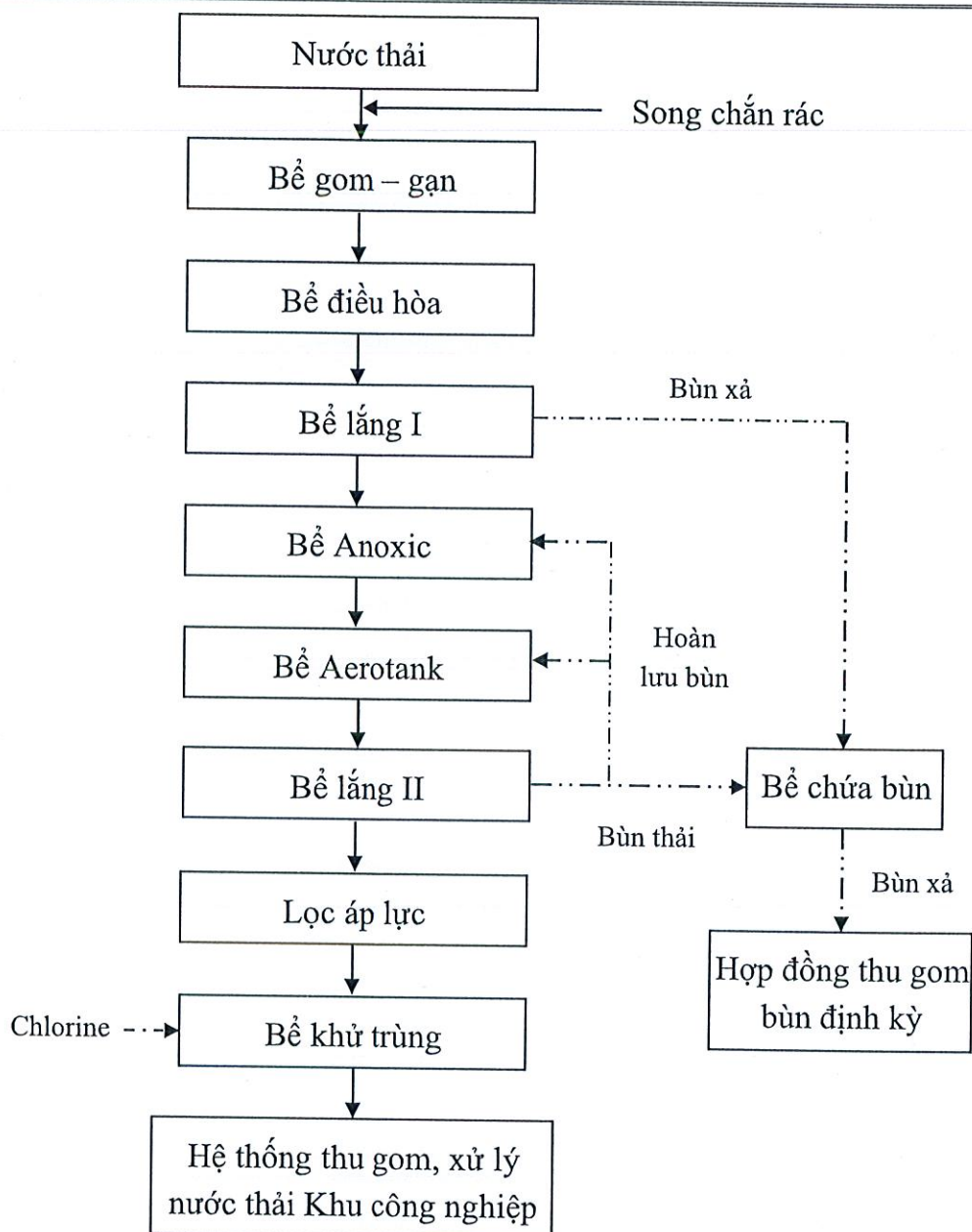
#### **1.1.3.3. Biện pháp giảm thiểu nước thải từ quá trình sản xuất**

Tất cả nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm xử lý nước thải đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT – Cột A và QCVN 40:2011/BTNMT – Cột B, kể từ ngày 01/9/2025, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT – Cột C theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung.







**Hình 4. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cơ sở**

Thuyết minh quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải

Tất cả lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở được thu gom và đi qua song chắn rác nhằm loại bỏ các loại rác có kích thước lớn ra khỏi nước thải và dẫn vào bể gom - gạn của hệ thống xử lý nước thải tập trung để loại bỏ lượng dầu mỡ trong nước thải. Tiếp theo, nước thải được dẫn vào bể điều hòa nhằm điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải. Sau đó, nước thải được dẫn vào bể lắng I, tại đây dưới tác dụng của trọng lực, các thành phần lơ lửng lắng xuống đáy bể. Tiếp theo, nước thải được dẫn lần lượt vào bể Anoxic và bể Aerotank, các chất ô nhiễm trong nước thải được xử lý dưới tác động của các vi sinh vật thiếu khí (trong bể Anoxic) và vi sinh vật hiếu khí (trong bể Aerotank); sau quá trình xử lý sinh học, nước thải được dẫn vào bể lắng II nhằm loại bỏ các chất ô nhiễm có trong nước thải. Phần nước trong phía trên được dẫn sang Lọc áp lực để tiếp tục loại bỏ cặn lắng và các chất ô nhiễm. Sau đó, nước thải được chảy sang bể khử trùng; tại bể khử





trùng, nước thải được châm dung dịch Chlorine để loại bỏ các vi sinh vật gây bệnh có trong nước thải, đảm bảo nước thải đầu ra đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT – Cột A và QCVN 40:2011/BTNMT – Cột B trước khi dẫn vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Trà Nóc 2 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để được tiếp tục xử lý. Phần bùn thải một phần được hoàn lưu về bể Anoxic và bể Aerotank, phần còn lại được dẫn về bể chứa bùn và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý thích hợp theo quy định.

#### **1.1.4. Lưu lượng nước thải sinh hoạt**

- Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2025 với tổng lưu lượng: 3,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, tương đương 885 m<sup>3</sup>/năm.

- Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2024 (tính từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 16/12/2024, do chưa có Biên bản xác định chỉ số đồng hồ và tính khối lượng nước thải từ ngày 17/12/2024 đến hết ngày 31/12/2024 từ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ) với tổng lưu lượng: 6,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, tương đương 1.746 m<sup>3</sup>/năm.

#### **1.1.5. Lưu lượng nước thải nhà ăn**

- Lượng nước thải nhà ăn phát sinh trong năm 2025 với tổng lưu lượng: 2,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, tương đương 590 m<sup>3</sup>/năm.

- Lượng nước thải nhà ăn phát sinh trong năm 2024 (tính từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 16/12/2024, do chưa có Biên bản xác định chỉ số đồng hồ và tính khối lượng nước thải từ ngày 17/12/2024 đến hết ngày 31/12/2024 từ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ) với tổng lưu lượng: 2,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, tương đương 582 m<sup>3</sup>/năm.

#### **1.1.6. Lưu lượng nước thải sản xuất**

- Lượng nước thải sản xuất phát sinh trong năm 2025 với tổng lưu lượng: 57 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, tương đương 16.784 m<sup>3</sup>/năm.

- Lượng nước thải sản xuất phát sinh trong năm 2024 (tính từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 16/12/2024, do chưa có Biên bản xác định chỉ số đồng hồ và tính khối lượng nước thải từ ngày 17/12/2024 đến hết ngày 31/12/2024 từ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ) với lưu lượng: khoảng 91,1 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, tương đương 26.510 m<sup>3</sup>/năm.

- Tình hình đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp: Chủ cơ sở đã ký hợp đồng đấu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom nước thải của KCN và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để được tiếp tục xử lý theo Hợp đồng số 04/HĐ-XLNT.KCN ký kết ngày 22 tháng 9 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ và Công ty TNHH MTV Hùng Phúc.

### **1.2. Kết quả quan trắc nước thải**

#### **1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải**

- Thời gian quan trắc: Chương trình quan trắc định kỳ nước thải của Cơ sở với





tần suất quan trắc 06 tháng/lần nhưng do kết quả quan trắc nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở thu trong lần 1 không ổn định nên Cơ sở đã tiến hành thu thêm mẫu nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung để đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý của Cơ sở.

- + Lần 1: Ngày 30/6/2025;
- + Lần 2: Ngày 30/9/2025;
- + Lần 3: Ngày 04/12/2025.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc:

**Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc**

| TT | Tên điểm quan trắc | Ký hiệu điểm quan trắc | Thời gian quan trắc | Vị trí lấy mẫu |         | Mô tả điểm quan trắc                                |
|----|--------------------|------------------------|---------------------|----------------|---------|-----------------------------------------------------|
|    |                    |                        |                     | Kinh độ        | Vĩ độ   |                                                     |
| 1  | Nước thải          |                        |                     |                |         |                                                     |
| -  | Nước thải đầu ra   | NT2                    | 30/6/2025           | 576809         | 1118222 | Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung |
|    |                    |                        | 30/9/2025           |                |         |                                                     |
|    |                    |                        | 04/12/2025          |                |         |                                                     |

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:
- + 02 mẫu nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN 11-MT:2015/BTNMT – Cột A và QCVN 40:2011/BTNMT – Cột B. Kể từ ngày 01/9/2025, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT – Cột C.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. Số Vimcerts: 019.
- Đánh giá kết quả quan trắc theo giấy phép môi trường được cấp: Kết quả quan trắc nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở thu trong lần 1 có một số thông số không nằm trong khoảng cho phép của quy chuẩn do một số lỗi trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Ngay sau đó, Cơ sở đã tiến hành thực hiện khắc phục kịp thời sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung và tiến hành thu mẫu lần 2 vào ngày 30/9/2025, kết quả cho thấy, tất cả các thông số quan trắc trong nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung đều đạt quy chuẩn cho phép (QCVN 40:2025/ BTNMT – Cột C). Bên cạnh đó, tất cả các thông số trong nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung vào ngày 04/12/2025 đều nằm trong khoảng cho phép của QCVN 40:2025/BTNMT – Cột C. Điều này cho thấy, hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở hoạt động hiệu quả hơn và Chủ cơ sở sẽ áp dụng biện pháp quản lý thích hợp nhằm đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép theo Giấy phép môi trường số 21/GPMT-UBND ngày 22/03/2024 của UBND thành phố Cần Thơ cấp trước khi đầu nối vào hệ thống





thu gom nước thải của KCN Trà Nóc 2 để được tiếp tục xử lý theo Hợp đồng xử lý nước thải đã được Chủ cơ sở ký kết với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ vào ngày 22/9/2022.

### 1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục do lưu lượng xả nước thải của Cơ sở thấp và Cơ sở tọa lạc trong KCN Trà Nóc 2. Bên cạnh đó, Công ty TNHH MTV Hùng Phúc đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ vào ngày 22/9/2022.

## 2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

### 2.1. Xử lý khí thải

Do đặc trưng của loại hình sản xuất của Cơ sở nên Cơ sở không phát sinh khí thải gây ô nhiễm môi trường nên Cơ sở không xây dựng công trình xử lý khí thải và Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của Cơ sở không quan trắc khí thải cũng như không khí xung quanh tại Cơ sở. Do đó, Cơ sở không quan trắc môi trường khí thải và không khí xung quanh.

### 2.2. Kết quả quan trắc khí thải: Không có.

## 3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thống kê chất thải phát sinh:

**Bảng 2. Thống kê CTRSH**

| TT  | CTRSH                      | Khối lượng<br>(tấn)/ngày | Khối lượng<br>(tấn)/năm | Tổ chức, cá nhân<br>tiếp nhận CTRSH | Khối lượng năm<br>gần nhất (tấn) |
|-----|----------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|
| (1) | (2)                        | (3)                      | (4)                     | (5)                                 | (6)                              |
| 1   | Chất thải rắn<br>sinh hoạt | 0,29288                  | 86,4                    | Công ty Cổ phần<br>Đô thị Cần Thơ   | 92,840                           |

**Bảng 3. Thống kê CTCRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất)**

| TT  | Nhóm CTCRCNTT                                                                                                                                    | Khối lượng<br>(kg)/ngày | Khối lượng<br>(kg)/năm | Tổ chức, cá nhân tiếp<br>nhận CTCRCNTT | Khối lượng năm<br>gần nhất (kg) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)                                                                                                                                              | (3)                     | (4)                    | (5)                                    | (6)                             |
| 1   | Sử dụng trực tiếp làm<br>nguyên liệu, nhiên liệu<br>cho quá trình sản xuất (tại<br>cơ sở)                                                        |                         | 0                      | -                                      | 0                               |
| 2   | Tái sử dụng, tái chế để<br>làm nguyên liệu, nhiên<br>liệu cho ngành sản xuất<br>khác (chuyển giao cho tổ<br>chức, cá nhân tiếp nhận<br>CTCRCNTT) | 30                      | 8.850                  | Hộ kinh doanh<br>Lê Thị Lan            | 14.620                          |
| 3   | Phụ phẩm thủy sản                                                                                                                                | 2.759,322               | 814.000                | Công ty TNHH MTV<br>Thủy sản Đại Hà    | 920.000                         |





#### **4. Về quản lý chất thải nguy hại**

Thông kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất): Trong quá trình hoạt động của Cơ sở không phát sinh chất thải nguy hại. Tuy nhiên, Chủ cơ sở đã ký Hợp đồng số 4375E/2025/HĐ-TĐX về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

#### **5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

##### **5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường**

Để đảm bảo các hoạt động không phát sinh các sự cố môi trường tại Cơ sở. Chủ cơ sở sẽ ban hành những quy định, định kỳ tổ chức tập huấn, nâng cao kiến thức cho toàn thể các CNV.

##### **5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường**

###### **5.2.1. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải**

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải một số sự cố có thể xảy ra như sự cố rò rỉ, vỡ đường ống dẫn nước thải; sự cố nghẹt ống; máy bơm nước thải, bơm bùn không hoạt động,... Do đó, Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước:

- Cơ sở sẽ tiến hành lưu trữ nước thải phát sinh tại bể gom, bể điều hòa. Cả 02 hạng mục này đều có chức năng thu gom, lưu trữ nước thải phát sinh và điều hòa nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải. Trong khoảng thời gian lưu trữ, Chủ cơ sở sẽ tiến hành sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị hư hỏng nhằm đưa hệ thống xử lý nước thải vận hành sớm nhất có thể;

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải liên tục và song song với quá trình hoạt động của Cơ sở;

- Bố trí nhân viên chuyên trách để quản lý chất lượng môi trường tại Cơ sở;

- Kiểm tra hiệu suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng cách thu và phân tích mẫu nước thải của Cơ sở;

- Định kỳ tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải sau xử lý của Cơ sở để báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước.

Bên cạnh đó, khi nước thải đầu ra hệ thống xử lý không đạt quy định trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Trà Nóc 2, Chủ cơ sở sẽ tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống xử lý nước thải tập trung, áp dụng các biện pháp khắc phục sự cố được đơn vị thi công hướng dẫn trong Sổ tay vận hành hệ thống xử lý nước thải; ngoài ra, khi vượt quá khả năng giải quyết của nhân viên vận hành, Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng sửa chữa, khắc phục sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Trà Nóc 2 để được tiếp tục xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.





Ngoài ra, Chủ cơ sở bố trí nhân viên làm việc luân phiên, phụ trách quản lý môi trường, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở. Nhân viên này có các nhiệm vụ sau:

- Đảm bảo hệ thống xử lý nước thải tập trung được vận hành liên tục;
- Kiểm tra, nạo vét, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom nước thải, các máy móc, thiết bị, các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- Kiểm tra đường ống dẫn nước thải sau khi xử lý;
- Phát hiện và khắc phục sự cố cơ bản trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- Kiểm tra, ghi chép và ký tên xác nhận sổ nhật ký giám sát lưu lượng nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- Chịu trách nhiệm phát hiện, thông báo và đề xuất các biện pháp giảm thiểu sự cố của hệ thống xử lý nước thải trước Chủ cơ sở.

**5.2.2. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải:** Không có

**5.2.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ**

*\*Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ*

Sự cố cháy nổ khi xảy ra sẽ gây hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của con người và tài sản, do đặc điểm của loại hình hoạt động tại Cơ sở là chế biến thủy sản nên công tác phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ được Chủ cơ sở đặc biệt quan tâm và sẽ áp dụng các biện pháp sau để phòng chống xảy ra sự cố cháy nổ:

- Niêm yết các tiêu lệnh, biển báo, quy định PCCC, trang bị các thiết bị ứng phó sự cố cháy nổ;
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của CNV về các khả năng gây cháy nổ và các ảnh hưởng, hậu quả khi xảy ra sự cố cháy nổ;
- Thành lập đội PCCC tại Cơ sở;
- Tổ chức thường xuyên các đợt tập dợt chữa cháy cho CNV, nêu chi tiết các nhiệm vụ cần thực hiện khi xảy ra sự cố cháy nổ. Chủ cơ sở thường xuyên mở các lớp tập huấn về PCCC cho CNV làm việc tại Cơ sở.

*\*Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ*

Khi CNV phát hiện đám cháy sẽ thực hiện lần lượt các tiêu lệnh PCCC chung theo quy định:

- Hô to “cháy, cháy, cháy”;
- Ngắt điện nơi xảy ra cháy;
- Dùng các phương tiện chữa cháy phù hợp, có trang bị tại Cơ sở để dập tắt đám cháy. Tất cả CNV thực hiện công tác chữa cháy đều phải được trang bị bảo hộ, mặt nạ chống độc,...





- Gọi điện thoại số 114 báo cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp của tỉnh khi đám cháy vượt ngoài tầm kiểm soát;

- Lượng CNV không thuộc đội PCCC Cơ sở sẽ được di dời ra khỏi khu vực Cơ sở và cảnh báo các công ty xung quanh;

Xử lý sau khi dập tắt đám cháy:

- Sau khi dập tắt đám cháy hoàn toàn, đội PCCC Cơ sở bảo vệ tốt hiện trường xảy ra cháy, giao lại đầy đủ hiện vật tại chỗ cho Chỉ huy và tổ giám định của Công an PCCC để xác định điều tra nguyên nhân gây cháy, đồng thời cử nhân viên túc trực tại khu vực cháy để theo dõi những tàn lửa có thể còn sót lại cho đến khi có lệnh của lãnh đạo thì triển khai khắc phục hậu quả.

Tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm sau khi xảy ra sự cố:

- Sau khi xảy ra sự cố cháy nổ, Chủ cơ sở sẽ tổ chức họp với tất cả CNV làm việc tại Cơ sở nhằm rút kinh nghiệm và khắc phục các sai sót (nếu có) trong suốt quá trình đáp ứng với các tình huống khẩn cấp.

#### **5.2.4. Phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông**

Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau để phòng ngừa tai nạn giao thông:

- Quy định phương tiện vận chuyển của CNV và khách hàng đến Cơ sở liên hệ phải xuống xe, tắt máy, dẫn bộ khi vào khuôn viên Cơ sở;

- Tuyên truyền cho CNV ý thức về an toàn giao thông;

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển theo quy định;

- Lắp đặt hệ thống các biển cảnh báo chú ý quan sát và xe ra vào thường xuyên khu vực Cơ sở.

#### **5.2.5. Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động**

Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động để phòng tránh và hạn chế những tai nạn lao động xảy ra sẽ làm tăng năng suất và hiệu quả công việc. Chủ cơ sở thực hiện một số giải pháp sau:

- Nhân viên trực máy làm việc trong các phòng điều khiển, cách ly với khu vực lắp đặt máy móc thiết bị. Công nhân lao động làm việc theo thời gian quy định như trên và không vận chuyển hàng hóa bằng phương pháp thủ công;

- Định kỳ tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao kiến thức về an toàn lao động cho toàn thể CNV trước khi giao việc theo đúng quy định;

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động như khẩu trang bằng than hoạt tính có tính chất lọc được hơi độc, mặt nạ chống khí độc, găng tay cao su, kính bảo hộ, giày ủng bảo hộ lao động, nút bịt tai,... để công nhân sử dụng khi lao động;

- Trang bị vòi rửa mắt tại phòng chứa Chlorine nhằm ứng phó sự cố khi Chlorine tiếp xúc vào mắt của CNV trong quá trình làm việc;

- Xây dựng các nội quy, quy định an toàn lao động như:





+ Nghiêm cấm sử dụng rượu bia trước và trong khi làm việc. Cấm làm việc tại nơi có biển báo nguy hiểm đã có rào chắn;

+ Cấm hút thuốc lá và đặt chất dễ cháy vào kho chứa nguyên, nhiên liệu dễ cháy, trên các phương tiện có chứa xăng dầu và nơi có nhiều dây điện. Phải có dụng cụ PCCC ở gần nơi chứa xăng dầu, chất dễ cháy. Khi tiếp xúc với thiết bị có sử dụng nguồn điện phải được sử dụng đồ dùng và trang bị cách điện tốt;

+ Trước khi làm việc, công nhân phải kiểm tra, chuẩn bị trang bị an toàn và sử dụng đồ bảo hộ lao động tốt như quần áo, giày ủng, găng tay... và khẩu trang thích hợp.

+ Tất cả các công nhân trước khi vào Cơ sở làm việc phải được huấn luyện 03 bước:

- Bước 1: Cán bộ an toàn lao động hướng dẫn;

- Bước 2: Quản đốc phân xưởng (hoặc cấp tương đương) hướng dẫn;

- Bước 3: Tổ trưởng tổ sản xuất hướng dẫn.

- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động;

- Lập hàng rào cách ly các khu vực nguy hiểm như trạm biến thế, vật liệu dễ cháy nổ;

Bên cạnh đó, Chủ cơ sở sẽ tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả các CNV, đảm bảo CNV có sức khỏe tốt khi làm việc tại Cơ sở.

#### **5.2.6. Biện pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp cho CNV làm việc tại Cơ sở**

Nhằm hạn chế các căn bệnh nghề nghiệp nguy hiểm ảnh hưởng đến sức khỏe của CNV làm việc tại Cơ sở, bên cạnh việc xây dựng, lắp đặt các thiết bị hiện đại phát sinh chất thải thấp trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở áp dụng giải pháp làm việc theo ca xoay vòng, đảm bảo tất cả các CNV được nghỉ ngơi thích hợp và làm việc tại Cơ sở với sức khỏe tốt nhất, nghiêm cấm trường hợp tăng ca liên tục trong vòng 3 ngày. Bên cạnh đó, Chủ cơ sở sẽ thực hiện chế độ ăn uống đầy đủ dinh dưỡng, bổ sung các dưỡng chất cần thiết, đảm bảo sức khỏe cho CNV làm việc tại Cơ sở. Ngoài ra, Chủ cơ sở cũng thực hiện chương trình khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CNV theo Thông tư số 28/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế Hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp cho người lao động, nhằm phát hiện kịp thời và đề ra biện pháp điều trị thích hợp cho CNV trong trường hợp bị bệnh nghề nghiệp do quá trình làm việc tại Cơ sở.

#### **5.2.7. Biện pháp phòng ngừa sự cố liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm**

Do đặc thù của loại hình hoạt động tại Cơ sở là chế biến thủy sản xuất khẩu ra các thị trường khó tính trên thế giới như EU, Nhật Bản,... nên công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được Chủ cơ sở đặc biệt quan tâm. Các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được áp dụng tại Cơ sở như sau:





***Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Nhà máy Chế biến Thủy sản Xuất khẩu***

- Kiểm tra nguồn gốc xuất xứ nguyên liệu trước khi thu mua;  
- Thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong công đoạn sản xuất: Trang bị cho tất cả công nhân trang phục bảo hộ lao động, áp dụng quy trình khử khuẩn trước khi vào phân xưởng sản xuất; vệ sinh máy móc, thiết bị sản xuất sau mỗi ngày làm việc;

- Sản phẩm được tạo thành sẽ được thu mẫu để kiểm tra chất lượng, lượng hóa chất và chất cấm; bên cạnh đó, sản phẩm cũng sẽ được di chuyển qua máy rà kim loại nhằm đảm bảo sản phẩm đáp ứng các yêu cầu xuất khẩu.

**6. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy**

Không có.

**7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)**

Không có.

***Nơi nhận:***

- CCBVMT;
- Phòng KT, HT&ĐT phường Phước Thới;
- Cty CP XD Hạ tầng KCN Cần Thơ;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**



**ĐỖ HÙNG LONG**





**PHỤ LỤC**

- Phụ lục 1: Các giấy tờ kèm theo như Giấy phép đăng ký kinh doanh, Giấy phép môi trường, các hợp đồng thu gom, xử lý chất thải,...
- Phụ lục 2: Kết quả thử nghiệm





**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 1800688588**

*Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 01 năm 2008*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 15 tháng 09 năm 2025*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG PHUC ONE MEMBER LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: HUNG PHUC ONE MEMBER CO.,LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*133, Phạm Ngũ Lão, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam*

Điện thoại: 0913.973.058

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

**3. Vốn điều lệ : 25.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ, chữ đệm và tên: ĐỖ HÙNG LONG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 10/01/1968

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001068029247

Địa chỉ liên lạc: 133, Phạm Ngũ Lão, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: ĐỖ HÙNG LONG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 10/01/1968

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001068029247

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: 133 Phạm Ngũ Lão, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam







**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Số: 21 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Một thành viên Hùng Phúc số 39/2023 ngày 14 tháng 11 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 772/TTr-STNMT ngày 11 tháng 3 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Hùng Phúc, địa chỉ văn phòng tại 133, Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu” địa chỉ tại Lô 2-9A2, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu”

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 2-9A2, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Số 1800688588 do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2008 và Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30 tháng 6 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 1800688588

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thủy sản.



### 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 11.281 m<sup>2</sup>.

- Quy mô công suất: Nhà máy chế biến thủy sản gồm các dây chuyền chế biến Cá tra/Basa cắt khúc, nguyên con, xẻ bướm đông lạnh; Dây chuyền chế biến cá nước ngọt nguyên con, fillet, cắt khúc đông lạnh; Dây chuyền chế biến ếch nguyên con, đùi ếch làm sạch và thịt ếch xay đông lạnh với công suất 5.500 tấn/năm.

- Tổng số vốn đầu tư: 20.000.000.000 đồng.

### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Hùng Phúc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.



**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (từ ngày 22 tháng 3 năm 2024 đến ngày 22 tháng 3 năm 2031).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận Ô Môn, Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ TN và MT;
- CT UBND thành phố;
- Công ty TNHH Một thành viên Hùng Phúc;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu VT.VK



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Tấn Hiển**



**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 21 /GPMT-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

- Dự án nằm trong Khu công nghiệp Trà Nóc II nên Chủ cơ sở thực hiện việc đầu nối toàn bộ nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2022.

- Lượng nước thải cơ sở thực hiện đầu nối 130 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Hiện Công ty TNHH Một thành viên Hùng Phúc đã được chấp thuận cho đầu nối theo Hợp đồng số 04/HĐ/XLNT.KCN ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):**

*1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 6 m<sup>3</sup>/ngày. Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để được xử lý.

- Nước thải từ nhà ăn: Phát sinh khoảng 2 m<sup>3</sup>/ngày. Nước thải phát sinh từ nhà ăn được thu gom, chảy qua song lược rác để loại bỏ các thành phần rác thải có kích thước lớn ra khỏi nước thải, sau đó, nước thải được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý.

- Nước thải từ quá trình sản xuất: Phát sinh khoảng 122 m<sup>3</sup>/ngày (Nước thải từ quá trình chế biến thủy sản) theo cống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Trà Nóc II.

- Mạng lưới thu gom: Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại cùng với nước thải sản xuất từ các phân xưởng được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 11-MT: 2015/BTNMT Quy chuẩn quốc gia về nước thải chế biến thủy sản - Cột A và QCVN 40: 2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - Cột B (Theo thỏa thuận đầu nối nước thải sau xử lý với Công



ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ) trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Trà Nóc II.

### *1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:*

Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ được thu gom riêng về bể tự hoại để xử lý sơ bộ. Bể tự hoại có chức năng phân hủy các hợp chất hữu cơ, lắng cặn và nước trong sẽ đi vào hệ thống xử lý nước thải.

Nguyên lý làm việc của bể tự hoại 3 ngăn như sau:

+ Ngăn chứa phân: có kích thước lớn nhất, chiếm 2/3 dung tích hầm. Nơi đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và các váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

+ Ngăn lọc: chiếm 3/4 thể tích còn lại, nơi này chỉ nhận nước từ ngăn chứa phân đi qua bằng các lỗ thông trên vách.

+ Ngăn khử mùi: Chứa than. Nước từ ngăn lọc đi ngược lên trên qua than sẽ bị hấp thu mùi hôi trước khi xả ra bên ngoài. Cặn lắng trong bể được hút và vận chuyển đi xử lý khi bể lắng đầy.

+ Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình phân hủy kỵ khí.

- Hệ thống xử lý nước thải:

Tổng lượng nước thải của cơ sở là 130 m<sup>3</sup>/ngày. Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải có công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, quy trình xử lý nước thải như sau:

Nước thải phát sinh → Bể gom - gạn → Bể điều hòa → Bể lắng I → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng II → Lọc áp lực → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải Khu công nghiệp.

Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được lưu chứa trong bể chứa bùn. Chủ dự án phân định, quản lý và ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### *1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: -*

### *1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:*

- Vận hành và bảo trì máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;

- Lấy mẫu và phân phân tích chất lượng mẫu nước sau khi xử lý theo định kỳ, nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các đường ống dẫn và thiết bị, máy móc.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng, từ khi cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống



xử lý nước thải công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải.
- Điểm đầu nối với hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Trà Nóc

## II.

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Thông số: pH, BOD<sub>5</sub> (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clo dư, Coliform, Lưu lượng.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40: 2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - cột B và QCVN 11-MT: 2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản - Cột A (Theo thỏa thuận đầu nối nước thải sau xử lý với Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ).

#### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi:-



**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 21/GPMT-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn 1: Hoạt động của các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất; Tủ máy bơm, máy nén khí của hệ thống xử lý nước thải;
- Nguồn 2: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn 1: Nhà xưởng, khu xử lý nước thải.
- Nguồn 2: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

| TT | Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA) | Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------|
| 1  | 70                         | 55                         | -                          | Khu vực thông thường |

**3.2. Độ rung**

| TT | Từ 06 giờ đến 21 giờ | Từ 21 giờ đến 06 giờ | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|----------------------|----------------------|----------------------------|----------------------|
| 1  | 70                   | 60                   | -                          | Khu vực thông thường |

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Đối với máy móc vận hành hệ thống xử lý nước thải: Các máy móc được đặt trong phòng điều hành của khu vực bố trí hệ thống xử lý nước thải. Phòng điều hành được xây tường bao quanh, ngăn phát tán âm thanh ra ngoài.
- Phương tiện giao thông: Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông áp dụng tại cơ sở cũng góp phần giảm thiểu tiếng ồn và độ rung phát sinh từ nguồn này.
- Đối với máy phát điện dự phòng: Máy phát điện được đặt trong khu vực riêng biệt, có đệm cao su để giảm thiểu tác động của tiếng ồn và rung khi hoạt

động máy phát điện. Ngoài ra, tích hợp đi kèm động cơ của máy còn có bộ phận xử lý khí thải, bao gồm vải lọc và tấm lọc giúp lọc các khí thải và bụi trước khi thải vào môi trường. Tuy nhiên, máy chỉ hoạt động trong trường hợp mất điện, tần suất không thường xuyên, thời gian hoạt động thấp nên tác động này hầu như không đáng kể.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -



**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA  
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 21/GPMT-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

| STT         | Tên loại chất thải nguy hại                                                            | Mã nguồn chất thải nguy hại | Khối lượng (kg/năm) | Trạng thái |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------|------------|
| 1           | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.                             | 16 01 06                    | 9                   | Rắn        |
| 2           | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.                                         | 17 02 03                    | 18                  | Rắn        |
| 3           | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại. | 18 02 01                    | 12                  | Rắn        |
| <b>Tổng</b> |                                                                                        | -                           | <b>100</b>          | <b>39</b>  |

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 18.996 kg/năm
- Chất thải rắn phát sinh quá trình sản xuất: pallet, ủng, găng tay, yếm, bao PE, PA; thùng carton,... khoảng 100 kg/tháng
- Phụ phẩm đầu cá, xương, vẩy và vụn cá có khối lượng phát sinh tối đa khoảng 950.010 kg/năm (tùy vào khối lượng nguyên liệu).

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chủ yếu là chất thải sinh hoạt khoảng 98.930 kg/năm.****2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:****2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại.

**2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:**

- Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho chất thải nguy hại tại khu vực cạnh phòng lab, kho được xây dựng đúng theo quy định an toàn, nhà kho



khép kín, tường gạch, mái tole chống dột, nền bằng bê tông cốt thép, có ngạch ngăn nước mưa chảy tràn, có rãnh thoát các chất lỏng rò rỉ, cửa nhôm kín, có khóa. Xung quanh khu vực nhà chứa chất thải nguy hại bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng. Trên mỗi thiết bị có dán nhãn dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo quy định.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

### **2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Các bồn chứa có nắp đậy.

### **2.2.2. Khu vực lưu chứa:**

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kho chứa.

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Các thùng nhựa có nắp đậy dung tích chứa 120 lít.

### **2.3.2. Khu vực lưu chứa:**

- Diện tích khu vực lưu chứa: 03 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền bê tông.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG: -**

### **1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với sự cố cháy nổ, rò rỉ nhiên liệu, rò rỉ hóa chất**

- Bố trí phòng riêng lưu trữ các loại hóa chất.
- Thường xuyên kiểm tra bao bì, thùng chứa và khu vực lưu chứa, phát hiện kịp thời rò rỉ.
- Sử dụng nhiên liệu của các hãng có uy tín, đảm bảo nhiên liệu sử dụng có chất lượng tốt.
- Đối với hệ thống làm lạnh trong phân xưởng: Để tránh rò rỉ NH<sub>3</sub>, nhà máy thực hiện các biện pháp sau:
  - Tập huấn kỹ thuật vận hành cho các công nhân, kỹ sư làm việc trực tiếp với hệ thống. Cung cấp cho những người làm việc trực tiếp với máy móc kiến thức thật sự vững vàng về an toàn lao động khi tiếp xúc với hệ thống.
  - Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các bộ phận trọng hệ thống.
  - Bố trí mặt nạ phòng độc, găng tay cao su đặt tại phòng máy. Nếu có sự rò rỉ NH<sub>3</sub> thì phải sử dụng mặt nạ phòng độc để xử lý sự cố.



- Lập hồ sơ biện pháp, kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất.

## **2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với an toàn vệ sinh thực phẩm**

- Vệ sinh thực phẩm tại bếp ăn công cộng:
  - + Kiểm soát nguồn thực phẩm đưa vào nấu nướng phục vụ tại bếp ăn cantin.
  - + Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ và người trực tiếp chế biến, phục vụ ăn uống tại bếp ăn tập thể tuân thủ theo các yêu cầu quy định.
  - + Nơi chế biến thức ăn phải được thiết kế theo nguyên tắc một chiều; có đủ dụng cụ chế biến, bảo quản và sử dụng riêng đối với thực phẩm tươi sống và thực phẩm đã qua chế biến; có đủ dụng cụ chia, gắp, chứa đựng thức ăn, dụng cụ ăn uống bảo đảm sạch sẽ, thực hiện chế độ vệ sinh hàng ngày; trang bị găng tay sạch sử dụng một lần khi tiếp xúc trực tiếp với thức ăn; có đủ trang thiết bị phòng chống ruồi, dán, côn trùng và động vật gây bệnh.

## **3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải, nước cấp**

Sự cố hệ thống xử lý nước thải có thể xảy ra trong quá trình hoạt động do hư hỏng các thiết bị như máy bơm, máy thổi khí,... của hệ thống xử lý. Do đó, hệ thống cần phải có nhân viên chuyên môn về môi trường và nhân viên vận hành hệ thống xử lý phù hợp để khi gặp sự cố thì sẽ có người am hiểu để giải quyết tốt các vấn đề xảy ra.

Thường xuyên kiểm tra hệ thống, tình trạng kỹ thuật của máy móc thiết bị đang hoạt động, thay thế sửa chữa kịp thời máy móc hư hỏng.

Huấn luyện nhân viên vận hành kỹ thuật, tiêu chuẩn đầy đủ.

Nếu thực hiện chương trình quan trắc và tiến hành các hoạt động thường nhật, chúng ta có được hệ thống xử lý nước thải hoạt động tốt trong thời gian dài. Tuy nhiên, nếu có sự cố xảy ra, điều quan trọng là phân tích nguyên nhân để giải quyết sự cố.

Trong trường hợp có sự cố, chủ cơ sở sẽ thỏa thuận và thực hiện hợp đồng với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ để xả nước thải chưa qua xử lý vào hệ thống thoát nước, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn. Ngay sau khi khắc phục sự cố, chủ cơ sở sẽ tiến hành xử lý nước thải đúng cam kết, không thải nước thải chưa qua xử lý vào môi trường.

Để hạn chế sự cố của hệ thống xử lý nước cấp cần thường xuyên kiểm tra hệ thống, kịp thời khắc phục sự cố, thăm và kiểm tra thường xuyên các máy móc thiết bị,... đảm bảo vận hành hiệu quả.

#### **4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với sạt lở bờ sông**

- Công ty bố trí công nhân thường xuyên kiểm tra, gia cố mặt bằng nơi chuyển nguyên liệu, thành phẩm;
- Kiểm tra độ lún công trình chống lở bờ sông;
- Ghe, tàu khi chạy đến khu vực nhà máy đều phải di chuyển chậm để giảm gây ra áp lực sóng;
- Đặc biệt, chủ đầu tư đã bố trí xây dựng các kè bê tông kiên cố nhằm bảo vệ bến thủy khỏi tình trạng sạt lở, triều cường./.





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ  
CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VỆ SINH**  
**Số: 135/2025/HĐDV.OM**

Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khả năng, điều kiện và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, Chúng tôi gồm:

**Bên A. (Bên thuê dịch vụ)**

Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Hùng Phúc

Người đại diện: Đỗ Hùng Long

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: 133 Phạm Ngũ Lão, P. Thới Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 02923.841.443

Tài khoản:

Mã số thuế: 1800688588

**Bên B. (Bên cung ứng dịch vụ)**

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Người đại diện: Nguyễn Hồ Y Phụng

Chức vụ: Phó Giám đốc

*(Theo giấy ủy quyền: 358/GUQ-CPĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024)*

Địa chỉ: Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại/fax: 02923.822.526/ 02923.811.583

Tài khoản: 7410000579 tại BIDV – CN TP Cần Thơ

0111000988864 tại Vietcombank – CN Cần Thơ.

104000408165 tại PVcombank- CN Cần Thơ.

Mã số thuế: 1800271113.

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng cung ứng dịch vụ vệ sinh với các điều khoản như sau:

**Điều 1. Nội dung công việc**

1. Bên A đồng ý thuê Bên B thực hiện công tác thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt tại: điểm tập kết rác ở xưởng sản xuất Lô 2.9A2, đường số 10, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ

2. Tần suất thu gom rác: 01 ngày/01 lần. Mỗi lần 02 thùng 240 lít.

3. Khối lượng rác bình quân: 14,4 m<sup>3</sup>/tháng

**Điều 2. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá trị hợp đồng: 2.304.000 đồng/tháng (Hai triệu ba trăm lẻ bốn ngàn đồng. trên một tháng), chưa bao gồm thuế GTGT.

2. Phương thức thanh toán: Hàng tháng Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên B trong khoảng thời gian từ ngày 15 đến ngày 25 của tháng. Nếu bên A không thanh toán tiền cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn thì bên B có quyền tạm ngưng hợp đồng này.



### **Điều 3. Trách nhiệm của hai bên**

#### **1. Trách nhiệm của bên A**

- Tập kết rác đúng nơi đã được hai bên thống nhất, trước thời gian bên B đến nhận rác. Mở cửa cổng, tạo điều kiện thuận lợi cho xe vào thu gom rác.

- Rác phải được chứa vào bọc nilong cột kín hoặc thùng chứa rác chuyên dụng đúng chuẩn, thực hiện đầy đủ các quy định về phân loại rác thải rắn tại nguồn, không được đưa các loại rác thải nguy hại, rác y tế và rác thải có thể gây cháy, nổ.

- Cung cấp cho bên B sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định (khi cần thiết).

- Thông báo cho bên B khối lượng rác thải tăng lên để bên B có kế hoạch điều động phương tiện phù hợp (báo trước ít nhất 02 ngày). Bên A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh.

- Cử người giám sát và xác nhận khối lượng rác thu gom hàng ngày.

- Thanh toán tiền cho bên B đúng theo điều khoản thỏa thuận.

#### **2. Trách nhiệm của bên B**

- Tổ chức phương tiện và lao động thực hiện đúng nội dung công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Thực hiện việc bảo hộ lao động theo quy định.

- Lập các thủ tục thanh toán theo quy định và xuất hóa đơn tài chính.

- Bên B sẽ từ chối thu gom nếu phát hiện rác thu gom không phải rác thải sinh hoạt (rác công nghiệp, rác y tế, chất thải nguy hại theo danh mục quy định) trộn lẫn trong thành phần rác bên A giao cho bên B.

### **Điều 4. Điều chỉnh hợp đồng**

- Hai bên sẽ lập phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá trị thực hiện hợp đồng trong trường hợp khi khối lượng rác bên A tăng so với khối lượng theo hợp đồng đã ký hoặc khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá mới.

### **Điều 5. Các thỏa thuận khác**

- Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện đúng theo các điều khoản đã ký trong hợp đồng. Mọi vấn đề phát sinh (nếu có) sẽ được hai bên thông báo, trao đổi giải quyết trên tinh thần hợp tác cùng có lợi.

- Hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này bằng việc gửi thông báo cho nhau trước 30 ngày mà không phải bồi thường cho nhau bất kỳ khoản nào với điều kiện hai bên phải hoàn thành tất cả các nghĩa vụ của mình trước ngày đề nghị kết thúc hợp đồng.

- Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật liên quan.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 đến 31/03/2025, hợp đồng đương nhiên được thanh lý khi hai bên hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ theo nội dung Hợp đồng và không có nhu cầu thỏa thuận gia hạn hợp đồng.

- Hợp đồng này được làm thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MỘT THÀNH VIÊN  
**HÙNG PHÚC**  
**ĐỖ HÙNG LONG**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MỘT THÀNH VIÊN  
**NGUYỄN HỒ Y PHỤNG**





**PHỤ LỤC SỐ 01**

Về việc gia hạn thời gian hợp đồng  
của hợp đồng số 135/2025/HĐDV.OM ký ngày 31 tháng 12 năm 2024

**I. CĂN CỨ ĐỂ KÝ PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG:**

Căn cứ Hợp đồng số 135/2025/HĐDV.OM ký ngày 31 tháng 12 năm 2024 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Hùng Phúc và Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ; Căn cứ tình hình thực tế của bên A,

Hôm nay, ngày 01 tháng 4 năm 2025 tại Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, chúng tôi gồm có:

**II. CÁC BÊN KÝ KẾT PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

**Bên A. (Bên thuê dịch vụ)**

Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Hùng Phúc

Người đại diện: **Đỗ Hùng Long**

Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: 133 Phạm Ngũ Lão, P. Thới Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 02923.841.443

Tài khoản: 44574429 Ngân hàng: ACB – CN Cần Thơ

Mã số thuế: 1800688588

**Bên B. (Bên cung ứng dịch vụ)**

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Người đại diện: **Nguyễn Hồ Y Phụng**

Chức vụ: **Phó Giám đốc**

(Theo giấy ủy quyền: 358/GUQ-CPĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024)

Địa chỉ: Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại/fax: 02923.822.526/ 02923.811.583

Tài khoản: 7410000579 tại BIDV – Chi nhánh Cần Thơ

0111000988864 tại Vietcombank – CN Cần Thơ.

Mã số thuế: 1800271113.

**III. NỘI DUNG KÝ KẾT PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

Hai bên thống nhất cùng nhau ký kết Phụ lục số 01 của Hợp đồng dịch vụ vệ sinh số 135/2025/HĐDV.OM ký ngày 31 tháng 12 năm 2024 với các điều khoản sau:

**Điều 1. Nội dung công việc**

Công ty TNHH MTV Hùng Phúc và Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ đồng ý gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng 09 (chín) tháng, từ ngày 01/4/2025 đến hết ngày 31/12/2025.

**Điều 2. Điều khoản khác:**

Mọi điều khoản khác của Hợp đồng số 135/2025/HĐDV.OM ký ngày 31 tháng 12 năm 2024 không được thể hiện trong phụ lục số 01 vẫn giữ nguyên giá trị.

Phụ lục này là một phần không thể tách rời hợp đồng số 135/2025/HĐDV.OM ký ngày 31 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2025.







**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---o0o---

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

Số: ~~4215.E~~ **4215.E/2025/HĐ-TĐX**

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
  - Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
  - Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
  - Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
  - Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
  - Căn cứ vào chức năng và điều kiện xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh;
  - Căn cứ vào nhu cầu của Công Ty TNHH MTV Hùng Phúc;
- Hôm nay, ngày 12 tháng 04 năm 2025, đại diện hai bên gồm có:

**BÊN A : CÔNG TY TNHH MTV HÙNG PHÚC**

Địa chỉ : 133 Phạm Ngũ Lão, P Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Điện thoại : 02923.768.443 Fax: 0710 3733988

Mã số thuế : **1800 688 588**

Số tài khoản : 44574429 Tại Ngân hàng ACB, chi nhánh Cần Thơ

Đại diện : **Ông ĐỖ HÙNG LONG** Chức vụ: **Giám Đốc**

**BÊN B : CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH**

Địa chỉ : Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Điện thoại : 0272.3758858 Fax: 0272.3758828

Mã số thuế : 1101404258

Số tài khoản : 118492999. Tại Ngân hàng Á Châu, Chi nhánh Phú Lâm, TP.HCM.

Đại diện : **Ông ĐỖ HUY LỰC** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:



## ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại của Công Ty TNHH MTV Hùng Phúc theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.

1.2 Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh, tại địa chỉ: Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

1.3 Hợp đồng có thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày 12 tháng 04 năm 2025 đến ngày 11 tháng 04 năm 2026.

## ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, DANH MỤC CHẤT THẢI XỬ LÝ VÀ ĐƠN GIÁ

### 2.1 Số lượng

2.1.1 Số lượng chất thải phụ thuộc vào quá trình phát sinh chất thải nguy hại (CTNH) của Công Ty TNHH MTV Hùng Phúc đang lưu giữ tại kho.

2.1.2 Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

### 2.2 Đơn giá xử lý

- Lượng chất thải sẽ được thu gom **01 lần/01 năm**;
- Chi phí cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải như sau:
- Nếu tổng khối lượng chất thải bàn giao của **01 (một) năm  $\leq 100$  kg** thì chi phí vận chuyển, xử lý với giá khoán là: **9.000.000 VNĐ (Chín triệu đồng)**;
- Nếu khối lượng chất thải bàn giao của **01 (một) năm  $> 100$  kg**, thì chi phí tính là:  
**= [(Tổng khối lượng chất thải – 100 kg) x 20.000đ/kg] + 9.000.000 VNĐ**

### Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT;
- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogam;
- Xe vận chuyển có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH được Bộ TNMT cấp phép.

### 2.3 Danh mục chất thải và điều kiện lưu giữ:

Danh mục các mã chất thải và điều kiện lưu giữ: Căn cứ theo sổ đăng ký chủ nguồn thải của Bên A được cấp.

| TT | Danh mục chất thải                       | Mã CTNH  | Đơn vị tính | Trạng thái tồn tại |
|----|------------------------------------------|----------|-------------|--------------------|
| 1  | Mực in (loại có các thành phần nguy hại) | 08 02 01 | Kg          | Rắn                |



|   |                                                                                                                                              |          |    |      |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----|------|
|   | trong nguyên liệu sản xuất) thải                                                                                                             |          |    |      |
| 2 | Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải                                                                               | 16 01 06 | Kg | Rắn  |
| 3 | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải                                                                                                | 17 02 03 | Kg | Lỏng |
| 4 | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01 | Kg | Rắn  |
| 5 | Ắc quy chì thải                                                                                                                              | 19 06 01 | Kg | Rắn  |
| 6 | Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải                                                                                                         | 12 06 05 | Kg | Rắn  |

### ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

#### 3.1 Địa điểm thu gom

3.1.1 Địa điểm thu gom chất thải ở kho của Công Ty TNHH MTV Hùng Phúc, tại địa chỉ: 133 Phạm Ngũ Lão, P Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

3.1.2 Sau thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên Biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải nguy hại

#### 3.2 Phương thức thanh toán

3.2.1 Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên B theo hình thức chuyển khoản.

3.2.2 Thời hạn thanh toán:

- **Đợt 1:** Bên A thanh toán cho Bên B 50% giá trị hợp đồng bằng hình thức chuyển khoản cho Bên B ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng;

**Hồ sơ thanh toán gồm:**

+Giấy đề nghị tạm ứng

- **Đợt 2:** Sau khi thu gom, trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được đủ hồ sơ thanh toán, Bên A sẽ thanh toán đến 100% giá trị quyết toán hợp đồng (sau khi trừ giá trị tạm ứng).

**Hồ sơ thanh toán gồm:**

+Giấy đề nghị thanh toán

+Hóa đơn tài chính

+Biên bản giao nhận chất thải và chứng từ CTNH

### ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

#### 4.1 Trách nhiệm của Bên A

4.1.1 Toàn bộ chất thải của Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa vào bao PE, chất thải lỏng chứa vào



thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải.

**4.1.2** Khi bàn giao chất thải nguy hại, Bên A phải lập 01 bộ “Chứng từ chất thải nguy hại” gồm 04 liên theo phụ lục 03 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và đã được Bên A ký tên, đóng dấu ở mục 06 và giao cho Bên B trong ngày thu gom chất thải.

**4.1.3** Nếu Bên A không phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và không bàn giao chứng từ chất thải nguy hại trong ngày chuyển giao chất thải đúng theo quy định môi trường, thì Bên B sẽ không nhận hàng và Bên A phải chịu toàn bộ chi phí vận chuyển là 5.000.000 VNĐ (Viết bằng chữ: *Năm triệu đồng*).

**4.1.4** Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng Công ty.

## **4.2 Trách nhiệm của Bên B**

**4.2.1** Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.

**4.2.2** Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.

**4.2.3** Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**4.2.4** Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyển và chỉ chờ loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.

**4.2.5** Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

**4.2.6** Bên B phải cung cấp chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.

**4.2.7** Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A, để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.

## **ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**5.1** Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

**5.2** Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết



định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.

**5.3** Bên B có trách nhiệm photo và đóng dấu các giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề xử lý chất thải theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường cho Bên A.

## **ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG**

**6.1** Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,....

**6.2** Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.

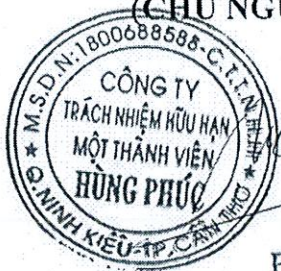
## **ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

**7.1** Hợp đồng này có hiệu lực 01(một) năm kể từ ngày ký và kết thúc sau khi việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, thanh toán chi phí xử lý hoàn tất.

**7.2** Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

**7.3** Hợp đồng này gồm 07 (bảy) Điều, 05 (năm) trang và được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
(CHỦ NGUỒN THẢI)**



**ĐỖ HÙNG LONG**

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
(ĐƠN VỊ VẬN CHUYỂN XỬ LÝ)**



**ĐỖ HUY LỰC**





CTY TNHH MTV HÙNG PHÚC  
Số : 03 /HP-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

--- o O o ---

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN

- Căn cứ vào luật dân sự của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2006.

- Căn cứ vào luật thương mại số 36/2005/QH 11 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2006.

- Căn cứ khả năng nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025, chúng tôi gồm:

**BÊN BÁN (BÊN A): CÔNG TY TNHH MTV HÙNG PHÚC**

Do ông: HUỖNH THỊ PHƯƠNG TRÂM

Chức vụ: Phó Giám đốc – Làm đại diện.

Địa chỉ: 133 Phạm Ngũ Lão, P.Thới Bình Q. Ninh Kiều TP.Cần Thơ.

Mã số thuế: 1800688588.

Tài khoản: 44574429 ngân hàng ACB Cần Thơ

**BÊN MUA (BÊN B): CTY TNHH MTV THỦY SẢN ĐẠI HÀ**

Do bà : PHẠM THỊ MINH HÀ

Chức vụ: – Giám đốc-Làm đại diện.

Địa chỉ: A28T82, Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều TP.Cần Thơ.

Mã số thuế: 1801536309.

Sau khi bàn bạc, hai bên đồng ý mua bán phụ phẩm cá tra (bao gồm da cá, đầu xương, vụn..... dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi) với các điều khoản sau:

**ĐIỀU 1: GIÁ CẢ**

- Số lượng : Thực tế xuất thu gồm
- Giá : 10.000 đồng/kg. (giá có thể thay đổi theo thị trường).
- Bên B thu gồm toàn bộ phụ phẩm và vệ sinh sạch sẽ khu vực nhận hàng.

**ĐIỀU 2: GIAO NHẬN VÀ THANH TOÁN**

- Giao hàng: Tại khu tiếp nhận nguyên liệu của bên A.
- Thanh toán: Bên B thanh toán ngay sau khi nhận hàng.

**ĐIỀU 3: CAM KẾT CHUNG**

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không bên nào đơn phương hủy hợp đồng, nếu có phát sinh vướng mắc thì hai bên tiến hành giải quyết bằng thương lượng trực tiếp. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo quy định của Pháp luật.
- Hợp đồng được lập thành 2 bản, có giá trị đến 31/12/2025, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực từ ngày ký.
- Sau khi hai bên hoàn tất việc thực hiện các điều khoản của hợp đồng này thì xem như hợp đồng được thanh lý.

ĐẠI DIỆN BÊN B



Phạm Thị Minh Hà

ĐẠI DIỆN BÊN A



Huỳnh Thị Phương Trâm





CTY TNHH MTV HÙNG PHÚC

Số: 20 /HP-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

---o o o---

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHÉ LIỆU

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2022, chúng tôi gồm:

**BÊN BÁN (BÊN A): CÔNG TY TNHH MTV HÙNG PHÚC**

Do ông: **ĐỖ HÙNG LONG** chức vụ: Giám đốc – Làm đại diện.

Địa chỉ: 133 Phạm Ngũ Lão, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.

Mã số thuế: 1800688588.

Tel: 0292.3768443

Fax: 0292.3733988.

Tài khoản: 44574429

ngân hàng ACB Cần Thơ.

**BÊN MUA (BÊN B): HỘ KINH DOANH LÊ THỊ LAN**

Do bà: **LÊ THỊ LAN** làm đại diện.

Địa chỉ: 358, KV Thới Hòa, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán phế liệu, với các nội dung sau:

**ĐIỀU 1: Bên A đồng ý bán cho bên B các loại phế liệu như sau:**

- Giấy carton, giấy vụn, chai nhựa, sắt, inox, nilong, bóng đèn, nhớt cũ,...
- Giá cả tùy theo thời điểm tăng lên hoặc hạ xuống

**ĐIỀU 2: CAM KẾT CHUNG**

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng.
- Hợp đồng được thành lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực từ ngày ký.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Lan

LÊ Thị Lan



**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐỖ HÙNG LONG**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 04/HĐ/XLNT.KCN  
Ký kết ngày 22 tháng 09 năm 2022

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

và

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC

Địa điểm thực hiện đầu nối: Lô 2.9A2, Đường số 10  
Khu Công Nghiệp Trà Nóc 2, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP.Cần Thơ

Mã số khách hàng

|   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|
| N | T | 0 | 0 | 0 | 5 | 4 |
|---|---|---|---|---|---|---|

NĂM 2022



## **Phần I. Căn cứ pháp lý**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, thông qua ngày 17/11/2020 có hiệu lực ngày 01/01/2022;

Căn cứ Luật Thương mại của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐ/TLĐ.KCN ngày 22/12/2016 đính kèm các phụ lục của hợp đồng này được ký kết giữa Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ và Công ty TNHH MTV Hùng Phúc .

## **Phần II. Chủ thể hợp đồng**

### **Bên cung cấp dịch vụ xử lý nước thải (Bên A):**

**CTY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

Đại diện (Ông): **VÕ NGỌC HỒ** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 72 đường Mậu Thân, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, tp.Cần Thơ

Số tài khoản: 011.100.0512345 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

chi nhánh Cần Thơ (Vietcombank CanTho)

MST: 1800617139

Điện thoại: 0292.3841497

Fax: 0292.3841495

### **Bên sử dụng dịch vụ xử lý nước thải (Bên B):**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC**

Đại diện (Ông/Bà): **ĐỖ HÙNG LONG** Chức vụ: Giám Đốc

Địa chỉ: Số 133 Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Số tài khoản: 44574429 Ngân Hàng ACB, Chi Nhánh Cần Thơ

MST: 1800688588

Điện thoại: 0292.3768443 Fax : 0292.3 744086



### Phần III. Nội dung hợp đồng

Sau khi cùng bàn bạc thảo luận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản và điều kiện như sau:

#### Điều 1. Nội dung công việc

1.1 Bên A nhận cung cấp dịch vụ xử lý nước thải bao gồm nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt do Bên B thải ra trong quá trình hoạt động kinh doanh.

1.2 Bên A tiếp nhận nước thải của Bên B đã được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn(B) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Trà Nóc.

1.3 Bên A tiếp tục xử lý nước thải của Bên B từ loại B sang loại A theo Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp hiện hành trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

#### Điều 2. Điểm đầu nối

Vị trí đầu nối: Theo sơ đồ hiện trạng vị trí đầu nối (đính kèm bản vẽ sơ đồ).

#### Điều 3. Yêu cầu về chất lượng nước thải

3.1 Nước thải sau khi xử lý cục bộ tại nhà máy, Bên B đăng ký xả thải vào hệ thống thu gom nước thải do Bên A quản lý. Căn cứ Quyết định phê duyệt ĐTM (hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường) số 52/QĐ.STNMT ngày 11/8/2006 do Sở Tài nguyên - Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Khang nay là Công ty TNHH một thành viên Hùng Phúc tiếp tục kế thừa theo công văn số 3290/STNMT-CCBVMТ ngày 27/08/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ, chất lượng nước thải sau xử lý cục bộ tại nhà máy phải đạt loại B theo QCVN 40:2011/БTNMT về nước thải công nghiệp.

(Trường hợp Nhà nước ban hành Quy chuẩn mới thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn mới, thời điểm áp dụng kể từ ngày quy chuẩn mới có hiệu lực thi hành)

3.2 Chất lượng nước thải do Bên B xả ra sẽ được Bên A xác định dựa trên mẫu nước thải của Bên B. Bên A có quyền chỉ định số lần lấy mẫu và thời điểm kiểm tra bất kỳ để xác định chất lượng nước thải của Bên B. Công tác lấy mẫu được chứng kiến giữa Bên A và Bên B, nếu Bên A và Bên B không thống nhất về thời gian và chất lượng mẫu nước thải thì phải có sự chứng kiến của Bên thứ ba khi tiến hành lấy mẫu. Chi phí phân tích mẫu do bên A chịu. Trường hợp Bên B yêu cầu lấy mẫu vì lý do nào đó thì Bên B sẽ phải chịu chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu đó.

3.3 Trường hợp nước thải của doanh nghiệp khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của Bên A vượt tiêu chuẩn loại B theo QCVN về nước thải công nghiệp có hiệu lực hiện hành (do sự cố hoặc do yếu tố khách quan), thì Bên A chỉ tiếp nhận nước thải của bên B với COD không vượt quá 600mg/L, SS không vượt quá 300mg/L, tổng Nito không vượt quá 70mg/L và tổng Photpho không vượt quá 20mg/L. Đối với những chỉ



tiêu khác vượt chuẩn theo quy chuẩn thì áp dụng điều khoản 3.4 điều 3 hoặc điểm e Khoản 4.1 Điều 4 của hợp đồng này.

3.4 Trường hợp nước thải của doanh nghiệp khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của Bên A vượt một trong các giới hạn như khoản 3.3 của điều này thì Bên A có quyền không tiếp nhận nguồn nước thải này và Bên A sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên B. Tuy nhiên trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải cục bộ của Bên B gặp sự cố, nước thải xả vào hệ thống thu gom của Bên A vượt giới hạn như trong khoản 3.3 điều này, Bên B phải thông báo cho Bên A trong thời gian sớm nhất (tối đa không quá 1 giờ kể từ khi xảy ra sự cố) và có văn bản giải trình (tối đa không quá 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố). Tùy từng trường hợp cụ thể, Bên A sẽ có hướng hỗ trợ và áp dụng mức thu phí phù hợp với lượng nước thải này.

#### Điều 4. Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

##### 4.1 Đơn giá thu phí xử lý nước thải

Đơn giá thu phí căn cứ vào các chỉ tiêu quy định theo QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp.

Đơn giá xử lý nước thải này được tính từ ngày lấy mẫu đầu tiên đến ngày lấy mẫu tiếp theo, phụ thuộc vào hàm lượng COD của các kết quả phân tích mẫu.

a. Trong trường hợp nước thải của Bên B đạt tiêu chuẩn như cam kết trong ĐTM hoặc CKBVMT thì lấy chỉ tiêu COD làm cơ sở tính phí:

Loại B:  $75 < \text{COD} \leq 150$ , đơn giá 7.600 đồng/m<sup>3</sup>

(Giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%)

b. Trong trường hợp nước thải của Bên B không đạt tiêu chuẩn như cam kết trong ĐTM hoặc CKBVMT thì áp dụng chỉ tiêu COD làm cơ sở tính phí:

$150 < \text{COD} \leq 350$ , đơn giá 8.800 đồng/m<sup>3</sup>

$350 < \text{COD} \leq 550$ , đơn giá: 11.500 đồng/m<sup>3</sup>

$550 < \text{COD} \leq 600$ , đơn giá: 12.800 đồng/m<sup>3</sup>

c. Trong trường hợp Bên B xả thải có từ một thông số ô nhiễm trở lên (trừ thông số ô nhiễm COD) vượt so với tiêu chuẩn xả thải mà Bên B đã đăng ký. Tùy từng loại nước thải và thông số vượt chuẩn, Bên A sẽ xem xét đưa ra mức giá mới phù hợp (mức giá tối thiểu bằng mức giá bậc 1 của đơn giá áp dụng cho nước thải không đạt chuẩn như Điểm b Khoản 4.1 Điều này là 8.800 đồng/m<sup>3</sup>).

d. Trong trường hợp nước thải của Bên B được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A xả vào hệ thống thu gom của Bên A vượt giới hạn như trong khoản 3.3 điều 3 thì đơn giá theo bảng tính phí xử lý nước thải sẽ được cộng thêm 1.000đồng/m<sup>3</sup> cho mỗi lần vượt 50mg/L COD hoặc vượt 0,5mg/L tổng photpho hoặc vượt 20mg/L SS hoặc vượt 5mg/L tổng Nitơ.



e. Khi phát hiện chất lạ hoặc hàm lượng một chất vượt chuẩn tới ngưỡng gây hại có trong nước thải của Bên B gây nguy hại cho hệ thống xử lý nước thải, Bên A ngừng tiếp nhận nước thải của Bên B.

f. Tỷ lệ tăng giá hàng năm: ổn định đơn giá dịch vụ xử lý nước thải trong 03 (ba) năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng sau đó thực hiện 1 năm tăng giá 1 lần theo hệ số trượt giá là 5%.

#### 4.2 Khối lượng nước thải chịu phí dịch vụ

Do lưu lượng nước thải của Bên B dưới  $100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  nên Bên B phải chịu phí lắp đặt hệ thống hồ ga, đồng hồ đo lưu lượng theo tiêu chuẩn chung trong Khu Công Nghiệp Trà Nóc - Cần Thơ

Trong trường hợp đồng hồ bị hư hoặc tắc nghẽn thì nước thải trong thời gian này được tính bằng: số ngày bị hư x với nước thải bình quân của 7 ngày trước đó hoặc xác định khối lượng nước thải để tính phí bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước (theo Điều 39 Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014).

4.3 Điều chỉnh đơn giá xử lý nước thải: Đơn giá xử lý nước thải sẽ được điều chỉnh thêm trong các trường hợp sau đây:

- Giá cả thị trường thay đổi làm ảnh hưởng đến chi phí đầu vào xử lý nước thải như phí hóa chất, phí điện năng, chi phí vận hành ....

- Thay đổi về cơ chế chính sách của Nhà nước.

#### Điều 5: Phương thức và thời hạn thanh toán

Phương thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, phí chuyển khoản do bên B chịu.

Thời hạn thanh toán: hàng tháng Bên A sẽ gửi giấy báo thu phí xử lý nước thải cho Bên B và Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Bên A trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo của Bên A. Nếu không thanh toán đúng thời hạn, Bên A sẽ tính lãi trên số tiền chậm thanh toán theo lãi suất quá hạn (...%) cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm thanh toán. Nhưng thời gian trễ hạn tối đa không quá hai (02) tháng. Quá thời hạn này, việc thanh toán trễ hạn được xem là vi phạm hợp đồng.

#### Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn chi phí xử lý nước thải theo hợp đồng đã ký kết. Bên A sẽ ngừng tiếp nhận nước thải của bên B nếu không nhận được khoản thanh toán sau 2 kỳ giấy báo liên tiếp và sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của bên B.

- Kiểm tra việc xả nước thải của Bên B, lấy mẫu phân tích khi cần thiết.



- Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy phạm, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước.

- Ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định tại điều 28 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ.

- Ngừng tiếp nhận nước thải của Bên B nếu phát hiện có nước thải của Bên B thải vào hệ thống thoát nước mưa của Bên A.

- Được tính chi phí bổ sung khi Bên B xả nước thải vào hệ thống thu gom không đúng như đăng ký ban đầu mà chưa được sự đồng ý của hai bên.

- Không chịu bất cứ trách nhiệm và bồi thường nào đối với những thiệt hại mà nguồn nước thải của bên B không đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của bên A.

- Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại trong trường hợp nước thải của Bên B chứa chất lạ và chất vượt chuẩn tới ngưỡng nguy hại gây nguy hiểm cho hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Bên A có các nghĩa vụ sau đây:**

- Tuân thủ các quy trình, quy phạm về vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải KCN Trà Nóc 1 và 2;

- Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước thải;

- Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm nộp phí bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền thay cho Bên B (nếu có).

- Cung cấp thông tin thoả thuận đầu nối cho các đối tượng có nhu cầu;

- Bảo đảm duy trì ổn định dịch vụ thoát nước.

- Tiếp nhận và giải quyết các đơn yêu cầu về dịch vụ thoát nước của khách hàng;

- Khi tạm ngưng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước phải có văn bản thông báo cho Bên B và phải có biện pháp thoát nước tạm thời không hạn chế đến hoạt động thoát nước của Bên B.

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

**Bên B có các quyền sau đây:**

- Được cung cấp dịch vụ xử lý nước thải theo quy định của pháp luật;

- Yêu cầu Bên A kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;

- Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động hệ thống thu gom và xử lý nước thải KCN Trà Nóc 1 và 2;

- Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của Bên A hoặc các bên có liên quan;



- Thực hiện các cam kết ghi trong Hợp đồng này và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Bên B có các nghĩa vụ sau đây:**

- Thực hiện biện pháp xử lý cục bộ khi nguồn nước thải vượt quá tiêu chuẩn nước thải trước khi xử lý quy định tại điều 3 của hợp đồng và quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về môi trường vào từng thời điểm, trước khi thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN;

- Thanh toán phí xử lý nước thải đầy đủ, đúng thời hạn theo Điều 5 của Hợp đồng này;

- Xả nước thải vào hệ thống thoát nước đúng quy định, quy chuẩn đã thỏa thuận, ký kết.

- Thông báo kịp thời cho Bên A khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước;

- Dẫn nối hệ thống thoát nước của Bên B vào hệ thống thoát nước chung đúng các quy định của thỏa thuận dẫn nối;

- Bồi thường khi gây thiệt hại cho các Bên liên quan theo quy định của pháp luật;

- Không được xả các chất không phải là nước thải và chất độc hại gây nguy hại đối với hệ thống nước thải tập trung của Bên A. Tách riêng triệt để hệ thống thoát nước thải và nước mưa nội bộ.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Vi phạm Hợp đồng và xử lý vi phạm Hợp đồng**

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận tại hợp đồng.

**8.1 Hợp đồng được coi là bị vi phạm (vi phạm hợp đồng) khi có một trong các sự kiện sau đây xảy ra:**

- Bên B vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này.

- Nguồn nước thải do bên B thải ra vượt quá tiêu chuẩn nước thải trước khi dẫn nối vào hệ thống thu gom nước thải của bên A quy định tại điều 3 của hợp đồng này.

- Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ biện pháp xử lý cục bộ như thỏa thuận (theo ĐTM hoặc Cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt).

- Bên B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, không đúng hạn phí dịch vụ như đã quy định tại điều 5 của hợp đồng này.

#### **8.2 Các hành vi vi phạm bên B không được thực hiện:**

- Vi phạm các quy định về bảo vệ hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Cản trở việc kiểm tra, thanh tra hoạt động của hệ thống thu gom và xử lý nước thải.



- Pha loãng nước thải để đạt các quy chuẩn chất lượng nước thải hoặc chuyển tải lượng ô nhiễm sang môi trường khác như đất và không khí.
- Không được xả nước thải hoặc nước chảy tràn không đảm bảo chất lượng vào hệ thống thu gom nước mưa của khu công nghiệp và nguồn tiếp nhận khác (như sông, kênh, rạch....).
- Đầu nổi tùy tiện hoặc không đúng thỏa thuận với hệ thống thoát nước thải.
- Cung cấp thông tin không trung thực làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động thoát nước thải.
- Các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và thoát nước thải khu công nghiệp.

**8.3 Tùy theo trường hợp vi phạm hợp đồng và mức độ vi phạm mà bên A có quyền áp dụng một hoặc đồng thời tất cả các biện pháp sau:**

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường tiến hành xử phạt vi phạm hành chính hoặc thu hồi giấy phép đầu tư đối với hành vi vi phạm các quy định về xử lý và xả nước thải của Bên B, để buộc Bên B phải thực hiện các biện pháp xử lý cục bộ.
- Bên B phải bồi thường thiệt hại, chi phí và tiền phạt mà Bên A phải gánh chịu do hành vi vi phạm các quy định về xử lý và xả nước thải của Bên B gây nên.
- Bên B thanh toán phí dịch vụ còn thiếu cộng với tiền lãi quá hạn được quy định tại điều 5 của hợp đồng này.
- Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước gây nên thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức cá nhân thì đối tượng vi phạm phải bồi thường thiệt hại
- Khi Bên B vi phạm các quy định về thoát nước có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, Bên A tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên B phải khắc phục ngay. Nếu Bên B không chấp hành Bên A có quyền ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải. Đồng thời yêu cầu đơn vị cấp nước sạch ngưng cung cấp nước sạch cho Bên B và Bên B phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- Dịch vụ thoát nước và cung cấp nước sạch sẽ được khôi phục sau khi Bên B khắc phục hoàn toàn hậu quả do hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.
- Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, Bên A sẽ có văn bản thông báo cho Bên B có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước, đồng thời Bên A sẽ có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Bên B và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.



**Điều 9. Thời hạn của Hợp đồng**

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày hết hạn của Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐ/TLĐ.KCN ngày 22/12/2016 đính kèm các Phụ lục của hợp đồng này được ký kết giữa Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ và Công ty TNHH MTV Hùng Phúc.

**Điều 10: Sửa đổi hợp đồng**

Khi sửa đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào trong hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và đính kèm với hình thức phụ lục hợp đồng.

**Điều 11. Chấm dứt hợp đồng**

- Hợp đồng thuê lại đất chấm dứt trước thời hạn hoặc hết hạn mà không có sự thoả thuận nào giữa hai bên.

- Khi bên B không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm trong hợp đồng này.

- Hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

- Bên B bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư.

- Trường hợp bất khả kháng và đã thi hành mọi biện pháp khắc phục nhưng không thành công.

- Khi chấm dứt hợp đồng, bên B vẫn phải trả đầy đủ cho bên A các khoản chi phí chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của bên B tại khu công nghiệp.

- Khi phát sinh các vấn đề liên quan cần chấm dứt hợp đồng.

- Bên A thông báo bằng văn bản cho bên B (hoặc ngược lại) trước 15 ngày khi quyết định chấm dứt hợp đồng xử lý nước thải.

- Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

**Điều 12. Điều khoản chung**

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hai bên chủ động thông báo cho nhau và cùng bàn bạc đi đến thống nhất.

- Định kỳ hoặc đột xuất bên A sẽ chủ động lấy mẫu nước thải ít nhất một lần một tháng có sự chứng kiến của Bên B. Kết quả kiểm nghiệm mẫu do Nhà máy xử lý nước thải tập trung phân tích sẽ được dùng để tính phí xử lý nước thải cho Bên B. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu. Trong trường hợp có tranh chấp về kết quả kiểm nghiệm,



mẫu nước thải sẽ được gửi phân tích tại Trung tâm Kỹ thuật và Ứng dụng Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Cần Thơ và chi phí sẽ do Bên B chịu.

- Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, trước hết hai Bên giải quyết trên cơ sở thương lượng. Nếu hai Bên A và B không tự giải quyết các vướng mắc thì mọi sự tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án kinh tế thành phố Cần Thơ giải quyết.

Hợp đồng được lập thành 08 bản, mỗi Bên giữ 04 bản có giá trị như nhau.



Ký và đóng dấu

Đỗ Hùng Long

ĐỖ HÙNG LONG

Bên cung cấp dịch vụ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Ngọc Hồ





## THÀNH PHỐ CẦN THƠ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN  
SINH HOẠT

Số: 01./2025-CTRS

**1. Bên giao** (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH MTV HÙNG PHÚC

Địa chỉ văn phòng: Số 133, Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

ĐT: 02923 768 443

**2. Bên nhận** (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Địa chỉ văn phòng: Số 05, đường Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TPCT.

ĐT: 02923.822.526

**3. Khối lượng:** CTR sinh hoạt chuyển giao

| TT | Các loại chất thải      | CTR sinh hoạt chuyển giao (m <sup>3</sup> )<br>(Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025) | Ghi chú |
|----|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Chất thải rắn sinh hoạt | 172,8 m <sup>3</sup>                                                                    |         |

**4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3**

Cần Thơ, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**Bên giao**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Kieu Thi Lan Chi

Cần Thơ, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**Bên nhận**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Minh Dien





THÀNH PHỐ CẦN THƠ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG  
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 02./2025-CTRCNTT

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH MTV HÙNG PHÚC

Địa chỉ văn phòng: Số 133, Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

ĐT: 02923 768 443

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Hộ kinh doanh Lê Thị Lan

Địa chỉ văn phòng: 358 KV Thới Hòa, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

| TT | Các loại chất thải                                                                                                                           | CTRCNTT chuyển giao (kg)<br>(Từ ngày 01/01/2025 đến ngày<br>31/12/2025) | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Tái sử dụng, tái chế để làm<br>nguyên liệu, nhiên liệu cho<br>ngành sản xuất khác (chuyển<br>giao cho tổ chức, cá nhân tiếp<br>nhận CTRCNTT) | 8.85.0 kg                                                               |         |
| 2  | Chất thải phải xử lý                                                                                                                         |                                                                         |         |
| 3  | Tổng khối lượng                                                                                                                              |                                                                         |         |

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

|                                                                                                                                                   |                                                                                                                                              |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Cần Thơ, ngày 24. tháng 12. năm 2025</p> <p><b>Bên giao</b><br/>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</p> <p><i>Kieu</i></p> <p>Kieu - Lan chi</p> | <p>Cần Thơ, ngày 24. tháng 12. năm 2025</p> <p><b>Bên nhận</b><br/>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</p> <p><i>Lan</i></p> <p>Lê Thị Lan</p> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|





THÀNH PHỐ CẦN THƠ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG  
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: .00../2025-CTRCNTT

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH MTV HÙNG PHÚC

Địa chỉ văn phòng: Số 133, Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

ĐT: 02923 768 443

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV Thủy sản Đại Hà

Địa chỉ văn phòng: A28T82, Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TPCT.

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

| TT | Các loại chất thải | CTRCNTT chuyển giao (kg)<br>(Từ ngày 01/01/2025 đến ngày<br>31/12/2025) | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Phụ phẩm thủy sản  | 814.000. kg                                                             |         |

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

|                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Cần Thơ, ngày 31. tháng 12. năm 2025</p> <p><b>Bên giao</b></p> <p>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</p> <p></p> <p>Kiều Thị Lan Chi</p> | <p>Cần Thơ, ngày 31. tháng 12. năm 2025</p> <p><b>Bên nhận</b></p> <p>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</p> <p></p> <p>Nguyễn Thanh Oai</p> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|







TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ  
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976

Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2793006/MT/173006/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 10/07/2025  
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung  
Tọa độ: X=1118222, Y=576809
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít x 2 chai)
3. Ngày nhận mẫu : 30/06/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/06/2025 đến 08/07/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC  
Lô 2-9A2, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                                      | Đơn vị | Phương pháp thử                   | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------|-----------------------------------|-------------------|
| 1   | (#) pH                                                        | -      | SMEWW 4500-H <sup>+</sup> .B:2023 | 6,96 (tại 26,4°C) |
| 2   | Hàm lượng BOD <sub>5</sub> (ở 20°C)                           | mg/L   | SMEWW 5210B:2023                  | 109               |
| 3   | Hàm lượng COD                                                 | mg/L   | SMEWW 5220C:2023                  | 215               |
| 4   | Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)                         | mg/L   | SMEWW 2540D:2023                  | 36,50             |
| 5   | Hàm lượng tổng Nitơ                                           | mg/L   | TCVN 6638:2000                    | 39,79             |
| 6   | Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)                          | mg/L   | SMEWW 4500-P.B&E:2023             | 2,50              |
| 7   | Hàm lượng Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) | mg/L   | TCVN 5988:1995                    | 33,62             |
| 8   | Hàm lượng Clo dư                                              | mg/L   | TCVN 6225-3:2011                  | KPH (MDL = 0,30)  |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (#) Kết quả chỉ có giá trị tham khảo, kết quả có giá trị pháp lý khi được tổ chức có giấy chứng nhận VIMCERTS thực hiện quan trắc hiện trường; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).  
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số: 2793006/MT/173006/25

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày: 10/07/2025  
Trang: 2/2

| STT | Chỉ tiêu                     | Đơn vị    | Phương pháp thử    | Kết quả               |
|-----|------------------------------|-----------|--------------------|-----------------------|
| 9   | Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng | mg/L      | SMEWW 5520B&F:2023 | KPH (MDL = 0,90)      |
| 10  | Coliforms                    | MPN/100mL | SMEWW 9221B:2023   | 3,4 x 10 <sup>7</sup> |

CATECH

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
*Name of sample and client are reported as the client's request.*
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).  
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*





TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ  
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ

Email: catech@cantho.gov.vn

Tel: 0292.3830353

Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City

Website: catech.vn

Fax: 0292.3833976

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Số: 1013009/MT/263009/25

Ngày: 17/10/2025

Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung  
Tọa độ: X=1118222, Y=576809
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 1,5 lít x 2 chai)
3. Ngày nhận mẫu : 30/09/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/09/2025 đến 15/10/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC  
Lô 2-9A2, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố  
Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                                      | Đơn vị | Phương pháp thử                   | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------|-----------------------------------|-------------------|
| 1   | (#) pH                                                        | -      | SMEWW 4500-H <sup>+</sup> .B:2023 | 7,04 (tại 25,3°C) |
| 2   | Hàm lượng BOD <sub>5</sub> (ở 20°C)                           | mg/L   | SMEWW 5210B:2023                  | 10                |
| 3   | Hàm lượng COD                                                 | mg/L   | SMEWW 5220C:2023                  | 21                |
| 4   | Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)                         | mg/L   | SMEWW 2540D:2023                  | 15,00             |
| 5   | Hàm lượng tổng Nitơ                                           | mg/L   | TCVN 6638:2000                    | 10,09             |
| 6   | Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)                          | mg/L   | SMEWW 4500-P.B&E:2023             | KPH (MDL = 0,02)  |
| 7   | Hàm lượng Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) | mg/L   | TCVN 5988:1995                    | KPH (MDL = 0,70)  |
| 8   | Hàm lượng Clo dư                                              | mg/L   | TCVN 6225-3:2011                  | KPH (MDL = 0,30)  |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (#) Kết quả chỉ có giá trị tham khảo, kết quả có giá trị pháp lý khi được quan trắc hiện trường bởi tổ chức có giấy chứng nhận VIMCERTS; - <sup>(a)</sup> là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

LI, GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, mã số mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Name of sample, sample code and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

17



Số: 1013009/MT/263009/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 17/10/2025  
Trang: 2/2

| STT | Chỉ tiêu                     | Đơn vị    | Phương pháp thử    | Kết quả              |
|-----|------------------------------|-----------|--------------------|----------------------|
| 9   | Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng | mg/L      | SMEWW 5520B&F:2023 | KPH (MDL = 0,90)     |
| 10  | Coliforms                    | MPN/100mL | SMEWW 9221B:2023   | < 1,8 <sup>(a)</sup> |

CATECH



- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
*Name of sample and client are reported as the client's request.*
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).  
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*







VILAS 086

Số: 2436/MT/0820/1225

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 31/12/2025  
Trang: 1/2

- Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải (Đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung)  
Tọa độ: X=1118222, Y=576809
- Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 1,5 lít x 2 chai)
- Ngày nhận mẫu : 04/12/2025
- Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
- Ngày thử nghiệm : Từ 04/12/2025 đến 29/12/2025
- Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC  
Lô 2-9A2, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
- Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
- Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
- Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                                      | Đơn vị | Phương pháp thử                   | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------|-----------------------------------|-------------------|
| 1   | (#) pH                                                        | -      | SMEWW 4500-H <sup>+</sup> .B:2023 | 8,09 (tại 25,3°C) |
| 2   | Hàm lượng BOD <sub>5</sub> (ở 20°C)                           | mg/L   | SMEWW 5210B:2023                  | 5                 |
| 3   | Hàm lượng COD                                                 | mg/L   | SMEWW 5220C:2023                  | 12                |
| 4   | Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)                         | mg/L   | SMEWW 2540D:2023                  | 14,00             |
| 5   | Hàm lượng tổng Nitơ                                           | mg/L   | TCVN 6638:2000                    | 7,29              |
| 6   | Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)                          | mg/L   | SMEWW 4500-P.B&E:2023             | KPH (MDL = 0,02)  |
| 7   | Hàm lượng Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) | mg/L   | TCVN 5988:1995                    | KPH (MDL = 0,70)  |
| 8   | Clo dư                                                        | mg/L   | TCVN 6225-3:2011                  | KPH (MDL = 0,30)  |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (#) Kết quả chỉ có giá trị tham khảo, kết quả có giá trị pháp lý khi được quan trắc hiện trường bởi tổ chức có giấy chứng nhận VIMCERTS; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (\*) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

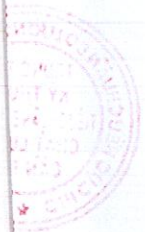


GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.  
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.







Số:2436/MT/0820/1225

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 31/12/2025  
Trang: 2/2

| STT | Chỉ tiêu                     | Đơn vị    | Phương pháp thử    | Kết quả              |
|-----|------------------------------|-----------|--------------------|----------------------|
| 9   | Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng | mg/L      | SMEWW 5520B&F:2023 | KPH (MDL = 0,90)     |
| 10  | Coliforms                    | MPN/100mL | SMEWW 9221B:2023   | < 1,8 <sup>(a)</sup> |

CATECH



1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.*
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.  
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH*

